

Số: 06/2022/QĐ-UBND

An Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm
quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp
dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4868/TTr-SXD
ngày 30 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp
trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên
địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 03 năm 2022 và thay thế Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP và các phòng, ban và Trung tâm;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Phước



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước
về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang**
*(Kèm theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang, bao gồm: trách nhiệm, nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng; xử lý sự cố công trình xây dựng, sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; bảo trì công trình xây dựng, đánh giá an toàn công trình, xử lý công trình có dấu hiệu nguy hiểm, công trình hết thời hạn sử dụng, phá dỡ công trình xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh: Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

3. Các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố.

4. Người quyết định đầu tư, các chủ đầu tư, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình, nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài và các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Việc quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng phải được thực hiện liên tục từ khi chuẩn bị đầu tư cho đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

2. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng đảm bảo nguyên tắc thống nhất, phát huy hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước và thực tế của địa phương.

Chương II

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Mục 1

TRÁCH NHIỆM VÀ NỘI DUNG QUẢN LÝ

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, không phân biệt nguồn vốn đầu tư.

2. Chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước được phân cấp tại Quy định này.

Điều 5. Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ trong đô thị, dự án đầu tư xây dựng có công năng hỗn hợp khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ công trình đường quốc lộ, đường tỉnh qua đô thị, các công trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo Điều 7, khoản 2 Điều 8 Quy định này).

2. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các nội dung cụ thể:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

c) Kiểm tra thường xuyên, đột xuất, định kỳ theo kế hoạch công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được giao;

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý;

e) Thực hiện công tác giám định chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; điều tra sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 46, Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra, xác nhận kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý;

i) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra, xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

k) Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh đột xuất, định kỳ vào ngày 20 tháng 12 hằng năm về các nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng theo mẫu Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 6. Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình thuộc dự án đầu tư công trình giao thông được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ công trình đường giao thông trong đô thị do Sở Xây dựng quản lý quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và các công trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8 Quy định này).

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8 Quy định này).

3. Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và các công trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8 Quy định này).

4. Các Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 2 Điều 5 Quy định này đối với các công trình xây dựng chuyên ngành.

5. Tổng hợp, báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 05 tháng 12 hàng năm cho Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình đối với công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo mẫu Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 7. Ban Quản lý Khu kinh tế

1. Ban Quản lý Khu kinh tế chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với các công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn được giao quản lý.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện một số công việc quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này, cụ thể như sau:

a) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổng hợp và báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 05 tháng 12 hàng năm cho Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công

xây dựng đối với các công trình trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo mẫu Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư và công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, cấp phép xây dựng theo phân cấp.

2. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nội dung sau:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

d) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 1 Điều này;

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết sự cố công trình, giám định nguyên nhân sự cố công trình, điều tra sự cố về máy, thiết bị theo phân cấp; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về tình hình sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra, xác nhận kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng được phân cấp, quản lý;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra, xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng được phân cấp, quản lý;

h) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 05 tháng 12 hằng năm cho Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình xây dựng trên địa bàn huyện thuộc phạm vi quản lý theo mẫu Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng đến tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và quần chúng nhân dân trên địa bàn xã.

2. Phối hợp với phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng; phát hiện và thông tin kịp thời đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về các hiện tượng vi phạm chất lượng công trình xây dựng.

3. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; kiểm tra quá trình thi công theo giấy phép xây dựng, các điều kiện đảm bảo an toàn thi công xây dựng và vệ sinh môi trường đối với các công trình xây dựng.

4. Theo dõi tình hình xây dựng công trình và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng, có nguy cơ xảy ra sự cố phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời, tổ chức di chuyển người và tài sản, đồng thời báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết.

5. Chỉ đạo, hỗ trợ, tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố.

Mục 2

PHÂN CẤP KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 10. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc loại công trình chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này, cụ thể:

a) Công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư trừ công trình quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra tại khoản 2, 3 Điều này;

b) Công trình cấp II trở xuống thuộc danh mục công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng được đầu tư xây dựng bằng nguồn

vốn Nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc được đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý, thực hiện công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có) và cấp phép xây dựng theo phân cấp;

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình xây dựng được đầu tư xây dựng tại các Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn được giao quản lý, bao gồm:

a) Công trình từ cấp II trở xuống thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, trừ công trình quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Công trình từ cấp II trở xuống thuộc danh mục công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước ngoài đầu tư công hoặc được đầu tư từ nguồn vốn khác thuộc phạm vi quản lý, thực hiện công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế cơ sở và cấp phép xây dựng theo phân cấp.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này, cụ thể như sau:

a) Công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư trừ công trình quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Công trình cấp II trở xuống thuộc danh mục công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư hoặc được đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn hành chính thuộc phạm vi quản lý, thực hiện công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế cơ sở và cấp phép xây dựng theo phân cấp;

4. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình.

5. Nội dung và trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của các cơ quan theo quy định tại Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu

1. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng theo quy định tại khoản 8 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, khoản 1 Điều 16 Thông tư số 10/2021/TT-BXD, cụ thể gồm:

- a) Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm công tác phí theo quy định và chi phí khác phục vụ cho công tác kiểm tra;
- b) Chi phí thuê cá nhân (chuyên gia) do cơ quan chuyên môn về xây dựng mời bao gồm chi phí đi lại, chi phí thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác và tiền công chuyên gia;
- c) Chi phí thuê tổ chức tham gia thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thanh toán chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 16 Thông tư số 10/2021/TT-BXD.

Mục 3

PHÂN CẤP XỬ LÝ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, SỰ CỐ GÂY MẤT AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 12. Quy định chung trong giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Cấp sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với công trình, hạng mục công trình đang triển khai thi công xây dựng và chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền quản lý sử dụng công trình đối với công trình đang khai thác, sử dụng:

- a) Báo cáo sự cố công trình xây dựng đối với công trình do mình quản lý theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;
- b) Có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP trong quá trình giải quyết sự cố công trình xây dựng;
- c) Lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố.

4. Khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình trong trường hợp công trình đang thi công; chủ sở hữu, quản lý sử dụng công trình trong trường hợp công trình đang vận hành, khai thác, sử dụng có trách

nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với sự cố cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh và sự cố cấp III công trình giao thông trên đường tỉnh và quốc lộ trên địa bàn với các nội dung theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với sự cố cấp III trên địa bàn trừ sự cố cấp III công trình giao thông trên đường tỉnh và quốc lộ đi qua địa bàn thuộc phạm vi quản lý với các nội dung theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 14. Thẩm quyền giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp I trên địa bàn tỉnh, giao Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham gia và rà soát đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tổ điều tra sự cố để giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III công trình giao thông trên đường tỉnh và quốc lộ trên địa bàn tại các công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này trên địa bàn tỉnh.

3. Phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giám định nguyên nhân sự cố cấp III trên địa bàn trừ sự cố cấp III công trình giao thông trên đường tỉnh và quốc lộ đi qua địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

4. Nội dung và chi phí thực hiện giám định nguyên nhân sự cố thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Trách nhiệm phối hợp trong tổ chức giám định nguyên nhân sự cố:

a) Đối với các sự cố cấp I trên địa bàn tỉnh, khi cần thiết Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp, hướng

dẫn hoặc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức giám định theo như quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan chủ trì giám định sự cố công trình xây dựng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này có trách nhiệm thành lập tổ điều tra sự cố công trình xây dựng để giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng. Tổ điều tra sự cố gồm: đại diện các đơn vị của cơ quan chủ trì giải quyết sự cố, các cơ quan có liên quan và các chuyên gia về những chuyên ngành kỹ thuật liên quan đến sự cố công trình xây dựng. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố chỉ định tổ chức kiểm định thực hiện giám định chất lượng công trình phục vụ đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và đưa ra giải pháp khắc phục.

Điều 15. Giải quyết sự cố gây mất an toàn trong thi công xây dựng công trình

1. Sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình bao gồm:

a) Sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ công tác thi công xây dựng (sau đây gọi là sự cố về máy, thiết bị);

b) Sự cố tai nạn lao động xảy ra trong thi công xây dựng công trình.

2. Việc khai báo, điều tra, báo cáo và giải quyết sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình thực hiện như sau:

a) Sự cố về máy, thiết bị thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Sự cố tai nạn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Thẩm quyền điều tra sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị xảy ra trên địa bàn tỉnh làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người trở lên trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị xảy ra trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết quy định tại điểm a khoản 3 Điều này đối với sự cố tại các công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này.

b) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị xảy ra trên địa bàn hành chính do mình quản lý trừ trường hợp sự cố do Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ đầu tư chủ trì điều tra sự cố quy định tại điểm a, c khoản này;

c) Riêng trường hợp sự cố về máy, thiết bị không thuộc danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt sử dụng trong thi công xây dựng công trình và không làm bị thương nặng hoặc gây chết người thì chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì tổ chức điều tra và giải quyết sự cố về máy, thiết bị.

4. Việc điều tra sự cố tai nạn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổ chức điều tra theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

5. Nội dung thực hiện điều tra sự cố về máy, thiết bị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

6. Trách nhiệm phối hợp trong điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị:

a) Các cơ quan có thẩm quyền chủ trì tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này thành lập Tổ điều tra sự cố để thực hiện điều tra sự cố. Tổ điều tra sự cố bao gồm đại diện cơ quan chuyên môn về xây dựng, đại diện Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (trong trường hợp sự cố máy, thiết bị làm bị thương nặng hoặc gây chết người) các cơ quan có liên quan và các chuyên gia về những chuyên ngành kỹ thuật liên quan. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì điều tra sự cố chỉ định tổ chức tư vấn xác định nguyên nhân sự cố và đưa ra giải pháp khắc phục.

b) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong quá trình thực hiện điều tra sự cố về tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình quy định tại khoản 4 Điều này, khi thành lập Tổ điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh sẽ mời đại diện Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo chuyên ngành quản lý được quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1, 2, 3 Điều 6 Quy định này và các cơ quan có liên quan cùng phối hợp.

Mục 4

BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH, XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM, CÔNG TRÌNH HẾT THỜI HẠN SỬ DỤNG, PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 16. Phân cấp quản lý bảo trì công trình xây dựng

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng trong quá trình lập hồ sơ thiết kế, thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Bàn giao quy trình bảo trì công trình xây dựng đã được phê duyệt, các tài liệu phục vụ công tác bảo trì có liên quan cho chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng khi nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng.

2. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.

a) Xem xét, tiếp nhận quy trình bảo trì công trình xây dựng do chủ đầu tư xây dựng công trình bàn giao khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng đối với những công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì do mình quản lý, khai thác sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Trên cơ sở quy trình bảo trì công trình xây dựng được duyệt và hiện trạng công trình, tổ chức lập kế hoạch và thực hiện bảo trì công trình xây dựng hằng năm và tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo các nội dung quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Tổ chức quản lý chất lượng công tác bảo trì và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 17. Đánh giá an toàn công trình

1. Công trình xây dựng có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn của công trình xây dựng trong quá trình vận hành và sử dụng theo quy định tại khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

2. Thời điểm và tần suất đánh giá định kỳ về an toàn của công trình xây dựng trong quá trình vận hành và sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 10/2021/TT-BXD.

3. Trình tự và nội dung đánh giá an toàn công trình thực hiện theo Điều 36 và khoản 1, 2 Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trường hợp chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thuê tổ chức tư vấn kiểm định có đủ điều kiện năng lực thực hiện đánh giá an toàn công trình, tổ chức tư vấn có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Phân cấp Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện nội dung quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình thuộc chuyên ngành do mình quản lý, cụ thể:

a) Rà soát các công trình thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định này đối với công trình thuộc quyền quản lý, sử dụng của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân

tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở; công trình xây dựng thuộc sở hữu tư nhân có quy mô từ cấp II trở lên để quy định lộ trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định.

b) Đối với các công trình xây dựng chuyên ngành có quy mô cấp II trở lên thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định này trên địa bàn tỉnh nhưng chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này, báo cáo kết quả thực hiện đánh giá về Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với các công trình xây dựng trên địa bàn quản lý, cụ thể:

a) Rà soát các công trình thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định này thuộc quyền quản lý, sử dụng của Văn phòng huyện ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân huyện, Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các phòng, ban chuyên môn, tổ chức chính trị xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và công trình thuộc sở hữu tư nhân có quy mô cấp III để quy định lộ trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định.

b) Đối với các công trình xây dựng có quy mô cấp III thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định này trên địa bàn do mình quản lý nhưng chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch, tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này, báo cáo kết quả thực hiện đánh giá về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Xác nhận kết quả đánh giá an toàn công trình

1. Đối với các công trình xây dựng thuộc danh mục công trình phải được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình được các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, cơ quan có trách nhiệm tổ chức đánh giá an toàn công trình theo quy định tại Điều 18 Quy định này có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1, 2 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và gửi một bản báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2, 3 Điều này để tiếp nhận, xem xét và có ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Phân cấp cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện việc tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình, xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình xây dựng thuộc chuyên ngành do mình quản lý và thuộc đối tượng công trình theo phân cấp thực hiện tại khoản 3 Điều 18 Quy định này.

3. Phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình, xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình xây dựng trên địa bàn quản lý và thuộc đối tượng công trình theo phân cấp thực hiện tại khoản 4 Điều 18 Quy định này.

Điều 20. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm

1. Khi phát hiện hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thực hiện các nội dung sau:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1, 3 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Trường hợp công trình đã xảy ra sự cố sập đổ một phần hoặc toàn bộ công trình, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thực hiện ngay các biện pháp để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạng chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra và thực hiện việc báo cáo sự cố theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Khi phát hiện hoặc tiếp nhận được thông tin hiện trạng hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền tiếp nhận thông tin và thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo thẩm quyền giải quyết sự cố công trình được quy định tại Điều 13 Quy định này.

Điều 21. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế

1. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình:

a) Xác định thời hạn sử dụng của công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình; thực hiện việc báo cáo về thời điểm hết thời hạn sử dụng công trình và dự kiến phương án xử lý đối với công trình sau khi hết thời hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đến Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo thẩm quyền được phân cấp tại khoản 3, 4 Điều 18 Quy định này.

b) Trường hợp công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Theo thẩm quyền được phân cấp tại khoản 3, 4 Điều 18 Quy định này, Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Thực hiện việc xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Việc phá dỡ công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình xây dựng thuộc đối tượng phải do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo phân cấp tại Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và thuộc đối tượng công trình quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đã khởi công trước ngày Quy định này có hiệu lực và được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kế hoạch kiểm tra theo thẩm quyền đã được phân cấp thì tiếp tục thực hiện thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu theo Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND, nội dung và trình tự thực hiện kiểm tra áp dụng theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Công trình xây dựng đã khởi công và được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu theo phân cấp tại Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhưng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì không tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để theo dõi.

Điều 23. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, khó khăn hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các cá nhân, tổ chức có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 06/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng
và quản lý an toàn trong thi công xây dựng trên địa bàn..... (1).....**

Năm (2).....

Kính gửi:(3).....

I. Số lượng công trình xây dựng

1. Thống kê số lượng công trình thông qua công tác kiểm tra nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo thẩm quyền.

Loại công trình	Đang tổ chức kiểm tra				Đã chấp thuận nghiệm thu				Không chấp thuận nghiệm thu (4)			
	Cấp công trình				Cấp công trình				Cấp công trình			
	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV
Dân dụng												
Công nghiệp												
Giao thông												
Nông nghiệp và PTNT												
Hạ tầng kỹ thuật												
Tổng số												

Trong đó:

- a) Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương: công trình;
- b) Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương: công trình;
- c) Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác: công trình.

2. Thống kê số lượng công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các công trình đã được thống kê tại khoản 1).

3. Đánh giá về công tác quản lý chất lượng trên địa bàn:

a) Về chất lượng thi công xây dựng;

b) Về tình hình vi phạm quy định về quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng đã bị xử lý vi phạm hành chính;

c) Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng, đình chỉ khai thác, sử dụng.

II. Sự cố công trình xây dựng

Thống kê số lượng sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng:

Loại công trình	Công trình đang thi công xây dựng			Công trình đang khai thác, sử dụng		
	Cấp sự cố			Cấp sự cố		
	I	II	III	I	II	III
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Nông nghiệp và PTNT						
Hạ tầng kỹ thuật						
Tổng số						

III. Quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng

1. Công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng (chủ đầu tư; các nhà thầu thi công xây dựng công trình; người lao động), bao gồm:

- Việc tổ chức quản lý công tác an toàn lao động theo quy định.
- Việc lập, chấp thuận và thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.
- Việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.
- Quản lý, sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.
- Việc kiểm tra, giám sát về an toàn lao động trong thi công xây dựng, gồm: Số lượng công trình đã kiểm tra, số lượng nhà thầu thi công xây dựng đã được kiểm tra, các hành vi vi phạm quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng thường gặp.
- Việc tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người quản lý, sử dụng lao động và người lao động tham gia thi công xây dựng công trình.

2. Tình hình tai nạn lao động trong thi công xây dựng.

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng cùng kỳ năm trước	Số lượng trong kỳ báo cáo
A	B	1	2
I. Tổng số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình	Vụ		
Trong đó:			
1. Do sự cố công trình gây ra	Vụ		

2. Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra	Vụ		
3. Do người lao động gây ra	Vụ		
4. Do nguyên nhân khác gây ra	Vụ		
II. Tổng số người chết do tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình	Người		
Trong đó:			
1. Do sự cố công trình gây ra	Người		
2. Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra	Người		
3. Do người lao động gây ra	Người		
4. Do nguyên nhân khác gây ra	Người		
III. Tổng số người bị thương do tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình	Người		
Trong đó:			
1. Do sự cố công trình gây ra	Người		
2. Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra	Người		
3. Do người lao động gây ra	Người		
4. Do nguyên nhân khác gây ra	Người		
IV. Tỷ lệ số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình			
Trong đó:			
- Tỷ lệ số vụ TNLĐ do sự cố công trình gây ra	%		
- Tỷ lệ số vụ TNLĐ do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra	%		
- Tỷ lệ số vụ TNLĐ do người lao động gây ra	%		
- Tỷ lệ số vụ TNLĐ do nguyên nhân khác gây ra	%		

IV. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan báo cáo.
- (2) Năm báo cáo.
- (3) Tên cơ quan nhận báo cáo.
- (4) Thống kê số lượng những công trình đã hoàn thành thi công xây dựng nhưng chưa đủ điều kiện để chấp thuận nghiệm thu.